

MỨC SINH CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH QUA TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009

TRẦN QUỐC LỢI

Mức sinh là một nhân tố quan trọng tác động đến tăng trưởng dân số. Mức sinh chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố sinh học, kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế và môi trường. Các chỉ tiêu liên quan đến mức sinh luôn thu hút sự quan tâm của các nhà xây dựng chính sách, các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu. Ở Việt Nam nói chung và Quảng Bình nói riêng, do việc đăng ký sinh, tử chưa đầy đủ nên các chỉ tiêu phản ánh mức sinh được tính toán thông qua dữ liệu điều tra. Tổng điều tra dân số và nhà ở

năm 2009 thu thập thông tin về lịch sử sinh của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi thuộc các địa bàn điều tra mẫu, bao gồm: Số con đã sinh, số con còn sống, số con đã chết, tháng và năm sinh của lần sinh gần nhất, số con trai và số con gái của lần sinh gần nhất. Bài viết này trình bày tóm tắt mức sinh của dân số Quảng Bình thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu như: Tổng tỷ suất sinh, tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi, tỷ suất sinh thô, tỷ số giới tính khi sinh, tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên trong 12 tháng trước thời điểm điều tra.

1. Tổng tỷ suất sinh
Tổng tỷ suất sinh (TFR) được hiểu là số con sinh ra sống bình quân của một người phụ nữ trong suốt cả cuộc đời, nếu người phụ nữ đó trong suốt thời kỳ sinh đẻ tuân theo tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi như quan sát được trong 12 tháng trước thời điểm điều tra. TFR là một trong những thước đo chính phản ánh mức sinh.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, TFR của Quảng Bình là 2,37 con/phụ nữ, cao hơn trung bình chung của cả nước là 0,34 con/phụ nữ và cao hơn trung bình chung của khu vực miền Trung là 0,16 con/phụ nữ.

Biểu 1 cho thấy, TFR của khu vực thành thị và nông thôn khác nhau không đáng kể. TFR của khu vực thành thị là 2,32; khu vực nông thôn là 2,38. TFR của khu vực thành thị thấp hơn nông thôn là do so với nông thôn, các cặp vợ chồng ở thành thị tiếp cận được nhiều nguồn thông tin, có nhận thức tốt hơn

Biểu 1: Tổng tỷ suất sinh (TFR) năm 2009

	TFR (Con/phụ nữ)		
	Chung	Thành thị	Nông thôn
Chung toàn tỉnh	2,37	2,32	2,38
Thành phố Đồng Hới	2,25	2,25	2,34
Huyện Minh Hoá	2,50	2,33	2,52
Huyện Tuyên Hoá	2,14	2,57	2,11
Huyện Quảng Trạch	2,39	2,66	2,37
Huyện Bố Trạch	2,41	2,65	2,38
Huyện Quảng Ninh	2,32	2,06	2,33
Huyện Lệ Thuỷ	2,49	2,51	2,49

về lợi ích của gia đình ít con và dễ dàng tiếp cận hơn các cơ sở y tế trong việc cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình giúp họ tránh mang thai và sinh con ngoài ý muốn. Ngoài ra, điều kiện sống ở khu vực thành thị tốt hơn rất nhiều so với khu vực nông thôn (Đúng thực tế nhưng dẫn đến TFR tăng). Hơn nữa, mức độ phụ thuộc của cha mẹ già vào con cái ở khu vực thành thị thấp hơn so với khu vực nông thôn nên người dân thành thị thường ít có tâm lý sinh con để “trông cây lúc tuổi già”.

Qua số liệu Biểu 1 thì huyện có TFR năm 2009 thấp nhất là Tuyên Hoá 2,14; tiếp theo là thành phố Đồng Hới 2,25. Ngược lại huyện có TFR cao nhất là Minh Hoá 2,5; tiếp đến là Lệ Thuỷ 2,49. Hai huyện Minh Hoá và Lệ Thuỷ có TFR cao, nguyên nhân chủ yếu là do số lượng người dân tộc thiểu số lớn nhất trong tỉnh và chủ yếu sống ở vùng sâu, vùng xa nên điều kiện tiếp cận các thông tin về sức khỏe sinh sản cũng như

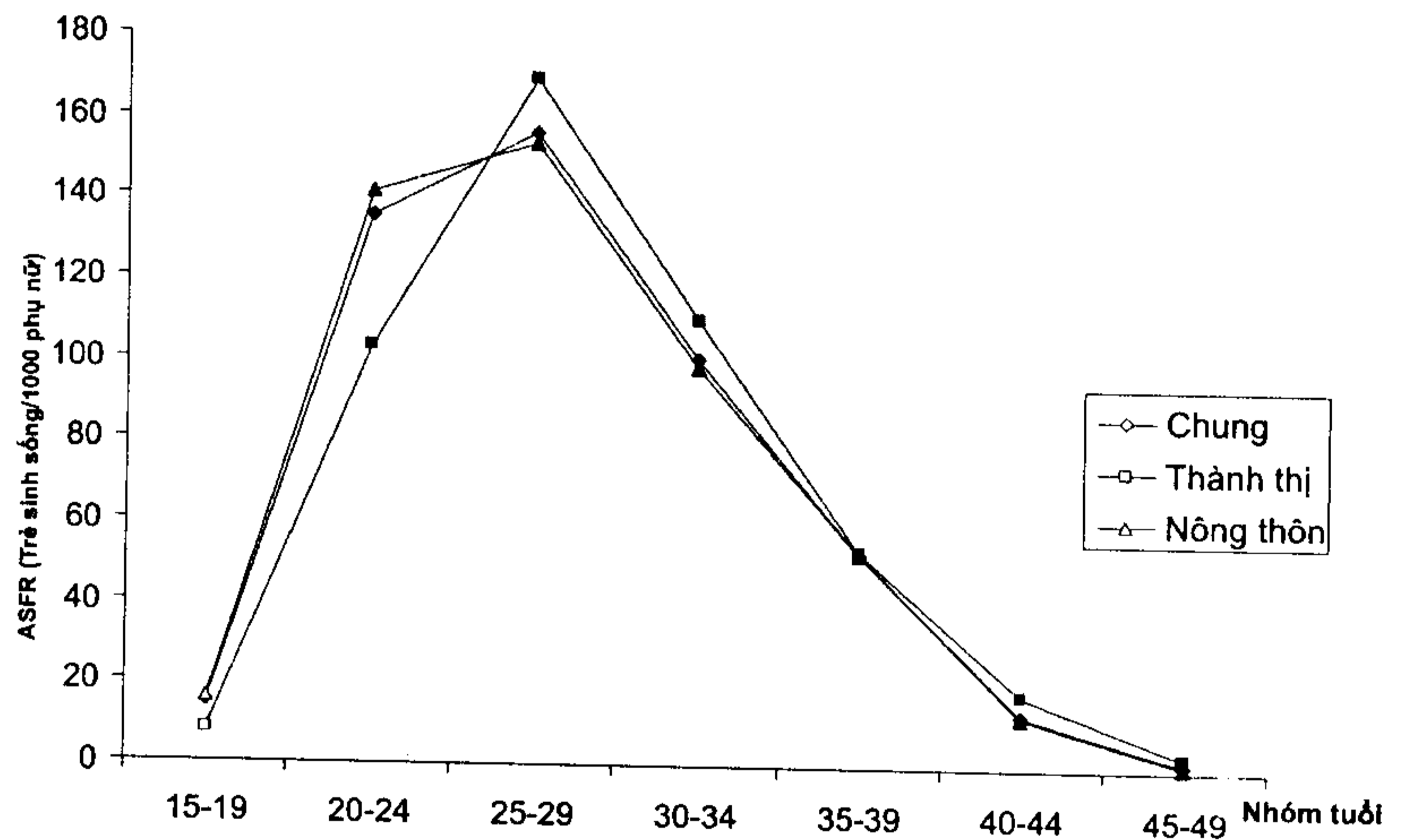
kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khoẻ còn nhiều hạn chế. (Vi dẫn đến TFR giảm).

2. Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi

Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi (ASFR) cho biết, bình quân cứ 1.000 phụ nữ trong một độ tuổi hoặc một nhóm tuổi nhất định có bao nhiêu trẻ sinh sống trong năm.

Biểu 2 trình bày tỷ suất sinh đặc trưng theo nhóm tuổi của Quảng Bình thu thập được qua cuộc Tổng điều tra dân số và nhà

ở năm 2009. Số liệu cho thấy, phụ nữ nhóm tuổi 25-29 có mức sinh cao nhất (bình quân cứ 1.000 phụ nữ nhóm tuổi này thì có 156 trẻ sinh sống), mức sinh cao thứ hai thuộc về phụ nữ trong nhóm tuổi 20-24 (với 135 trẻ sinh sống/1.000 phụ nữ), kế đến là nhóm tuổi 30-34 (với 100 trẻ sinh sống/1.000 phụ nữ), nhóm có mức sinh cao thứ tư là nhóm tuổi 35-39 (với con số 53 trẻ sinh sống/1.000 phụ nữ). Điều này cũng đồng nghĩa rằng, phần lớn phụ nữ Quảng Bình sinh con ở



Biểu 2: Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi (ASFR) năm 2009

Nhóm tuổi	ASFR (Trẻ sinh sống/1000 phụ nữ)		
	Chung	Thành thị	Nông thôn
TFR	2,37	2,32	2,38
15-19	15	8	16
20-24	135	103	141
25-29	156	169	153
30-34	100	110	98
35-39	53	53	52
40-44	13	18	13
45-49	1	3	1

độ tuổi từ 20 đến 34, từ trên 35 tuổi mức sinh giảm nhanh.

Hình trên mô tả tỷ suất sinh đặc trưng theo độ tuổi (ASFR) năm 2009 của Quảng Bình theo hai khu vực thành thị và nông thôn. Mặc dù cùng có hình “quả chuông” như nhau, nhưng đường gấp khúc biểu thị mô hình sinh của hai khu vực có xu hướng khác nhau. Cụ thể: Ở các nhóm tuổi từ 15-19 và 20-24, khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn. Tuy nhiên, ở nhóm tuổi từ 25-29 tuổi thì khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn. Chung cả hai khu vực mức sinh cao nhất đều thuộc về nhóm phụ nữ từ 25-29 với 169 trẻ sinh sống/1.000 phụ nữ ở khu vực thành thị và 153 trẻ sinh sống/1.000 phụ nữ ở khu vực nông thôn. Trong khi mức sinh của phụ nữ cùng nhóm

tuổi từ 20-24 ở khu vực nông thôn là 141 thì khu vực thành thị chỉ có 103. Nguyên nhân chính là do phụ nữ nông thôn trình độ học vấn thấp, cộng với sức ép phong tục tập quán còn lạc hậu nên họ thường kết hôn và sinh con sớm hơn phụ nữ thành thị.

3. Tỷ suất sinh thô

Tỷ suất sinh thô (CBR) biểu thị số trẻ sinh sống trong 12 tháng trước thời điểm điều tra tính trên 1.000 dân. Số liệu ở Biểu 3 cho thấy, CBR của Quảng Bình năm 2009 là 17,81 trẻ sinh sống/1.000 dân (thành thị 18,83 và nông thôn 17,63).

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý CBR là chỉ tiêu được sử dụng chủ yếu để tính tỷ lệ gia tăng dân số hơn là để đánh giá sự thay đổi mức sinh như TFR, vì nó không chỉ chịu tác động bởi mức sinh mà còn chịu tác động bởi cơ cấu

tuổi và giới tính của dân số. Hai nhóm dân số có mức sinh theo độ tuổi của phụ nữ như nhau, dân số nào có tỷ trọng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ cao hơn sẽ có tỷ suất sinh thô lớn hơn.

4. Tỷ số giới tính khi sinh

Tỷ số giới tính khi sinh được xác định bằng số trẻ em trai được sinh ra trên 100 trẻ em gái của một thời kỳ, thường là 1 năm. Tỷ số này thông thường là 104 - 106/100 và nhìn chung khá ổn định qua thời gian và không gian giữa các tỉnh, quốc gia, khu vực và chủng tộc người. Bất kỳ sự thay đổi đáng kể nào của tỷ số này chệch khỏi mức sinh học bình thường đều phản ánh những can thiệp có chủ ý ở một mức độ nào đó và sẽ làm ảnh hưởng đến sự mất cân bằng tự nhiên, đe dọa sự ổn định dân số toàn cầu.

Biểu 3: Tỷ suất sinh thô (CBR) năm 2009

Đơn vị tính: ‰

	Chung	Thành thị	Nông thôn
Chung toàn tỉnh	17,81	18,83	17,63
Thành phố Đồng Hới	18,88	18,70	19,25
Huyện Minh Hoá	22,93	19,53	23,39
Huyện Tuyên Hoá	15,48	19,59	15,16
Huyện Quảng Trạch	17,37	19,47	17,28
Huyện Bố Trạch	18,33	20,52	18,10
Huyện Quảng Ninh	16,72	17,08	16,72
Huyện Lệ Thuỷ	17,20	16,66	17,25

Biểu 4: Tỷ số giới tính khi sinh năm 2009

Đơn vị tính: Số trẻ em trai/100 trẻ em gái

	Chung	Thành thị	Nông thôn
- Quảng Bình	104,4	101,5	105,0
- Cả nước	110,5	110,6	110,5

Biểu 5: Tỷ lệ phụ nữ 15 - 49 tuổi sinh con thứ 3 trở lên năm 2009

Đơn vị tính: %

	Chung	Thành thị	Nông thôn
- Quảng Bình	24,95	14,15	26,99
- Cả nước	16,10	9,30	18,90

Biểu 4 trình bày tỷ số giới tính khi sinh của Quảng Bình qua Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Theo đó, xu hướng chung giữa thành thị và nông thôn có sự khác nhau rõ rệt. Chung cả nước là 110,5, trong đó khu vực thành thị là 110,6 và khu vực nông thôn là 110,5. So với cả nước, Quảng Bình có tỷ số giới tính khi sinh thấp hơn, chỉ 104,4 nhưng giữa khu vực thành thị và nông thôn có mức chênh lệch lớn, thành thị là 101,5 trong khi nông thôn là 105,0. Hiện nay, chưa có những nghiên cứu để khẳng định sự phổ biến của hiện tượng lựa chọn giới tính thai nhi, nhưng việc dễ dàng tiếp cận các kỹ thuật cao như siêu âm ba chiều hay bốn chiều... cho phép người dân biết được giới tính của thai nhi ngay từ các tháng đầu. Nếu có tâm lý “trọng nam khinh nữ”, thì việc phá thai có thể xảy ra khi biết giới tính của thai nhi là gái. Kinh nghiệm của nhiều nước có tỷ số giới tính khi sinh cao đã cho thấy, những hậu quả về kinh tế - xã hội và nhân khẩu học là rất nghiêm trọng. Nước ta đã có nhiều văn bản pháp quy nghiêm cấm việc chẩn đoán giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, nhưng việc giám sát thực hiện chưa được quan tâm đúng mức. Mặc dù tỷ số giới tính khi

sinh của tỉnh ta đang ở mức bình thường, nhưng cần tuyên truyền mạnh mẽ hơn nữa về hậu quả của việc lựa chọn giới tính thai nhi, xóa bỏ các quan niệm trọng nam hơn nữ, nêu cao vai trò của phụ nữ đối với gia đình và xã hội để ngăn ngừa tình trạng tỷ số giới tính khi sinh tiếp tục gia tăng trong những năm tới.

5. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên

Hiện nay, Quảng Bình đang quan tâm thực hiện các chính sách giảm sinh thông qua Chương trình dân số, kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Bên cạnh đó, quy mô gia đình nhỏ cũng được khuyến khích. Cùng với việc cung cấp rộng rãi các loại hình dịch vụ, nhiều hoạt động tuyên truyền vận động, truyền thông cũng được triển khai nhằm trang bị các kiến thức chuyển đổi hành vi và khuyến khích các cặp vợ chồng thực hiện mục tiêu mỗi gia đình chỉ có 1 - 2 con. Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên hàng năm đang là bài toán lớn của các cấp lãnh đạo, các cơ quan truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba trở lên biểu thị số phụ nữ có sinh con thứ ba trở lên trong 12 tháng trước điều tra trên 100 phụ nữ. Biểu 5 trình bày tỷ lệ

phụ nữ từ 15-49 tuổi sinh con thứ ba trở lên ở Quảng Bình năm 2009 chia theo thành thị và nông thôn. Số liệu cho thấy, năm 2009 tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ ba ở Quảng Bình là 24,95%, cao hơn nhiều so với trung bình chung của cả nước (cả nước chỉ có 16,10%). Nếu so sánh khu vực nông thôn và thành thị thì càng thể hiện rõ nét hơn. Khu vực nông thôn có tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên cao hơn khu vực thành thị 1,9 lần.

Tóm lại, chất lượng số liệu về mức sinh trong Tổng điều tra dân số và nhà ở của tỉnh Quảng Bình năm 2009 nhìn chung khá tốt. Kết quả điều tra khẳng định tính đúng đắn của những đánh giá về cân bằng giới tính khi sinh của dân số trong tỉnh. Tuy nhiên, sự khác biệt về mức sinh đáng kể giữa các vùng so với mức trung bình chung của cả nước đòi hỏi công tác tuyên truyền dân số - kế hoạch hóa gia đình cần tiếp tục đẩy mạnh, đặc biệt ở những vùng có mức sinh cao. Hơn thế nữa, cần phải nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội, từ đó xóa bỏ quan niệm “trọng nam khinh nữ”, phòng chống bạo lực gia đình nhằm góp phần cân bằng tỷ số giới tính khi sinh.

T.Q.L